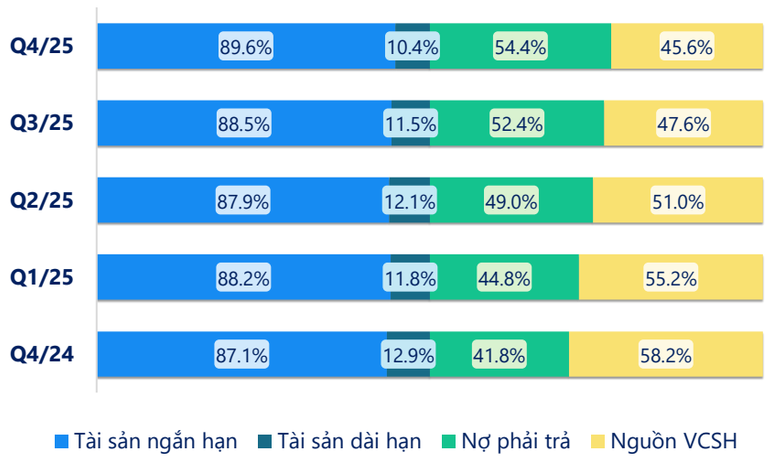
FireAnt

CTCP Tập đoàn Everland (HSX: EVG)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	8,210
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,750
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,860
SL cổ phiếu LH	215,249,836
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,064,050
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,767
P/E	22.8
EPS	360

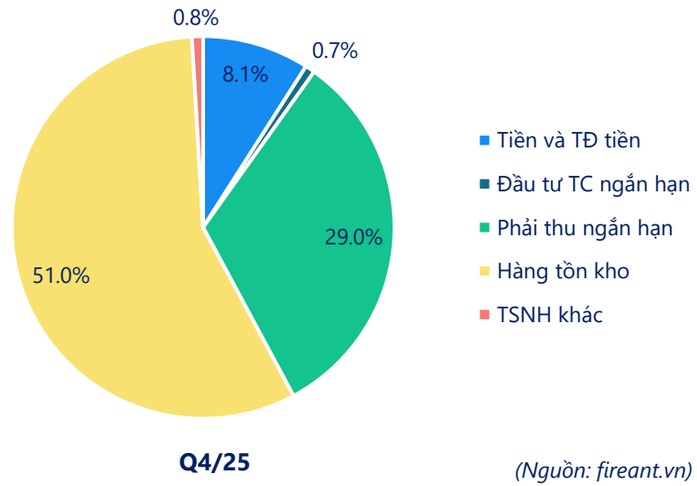
	YTD	1T	3T	6T
EVG	31.8%	-6.6%	-8.9%	31.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



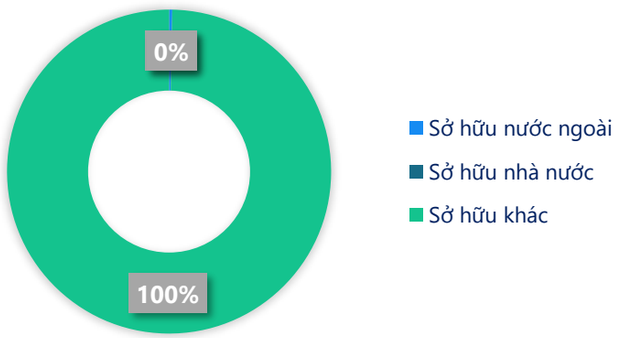
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



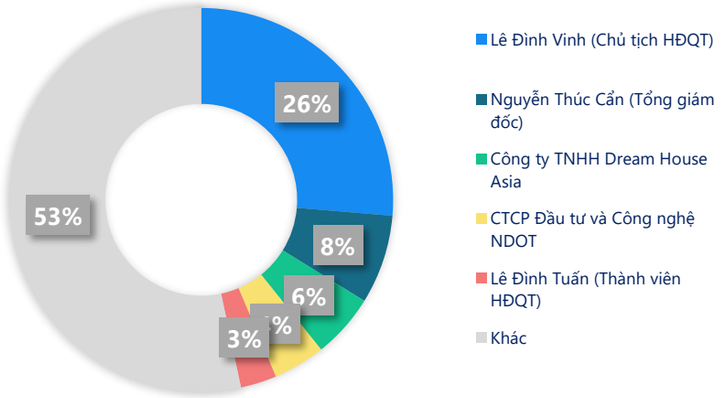
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



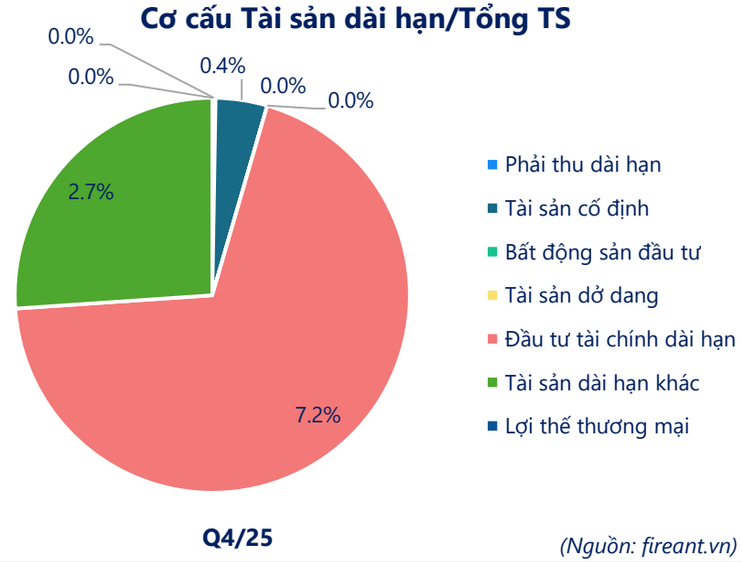
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

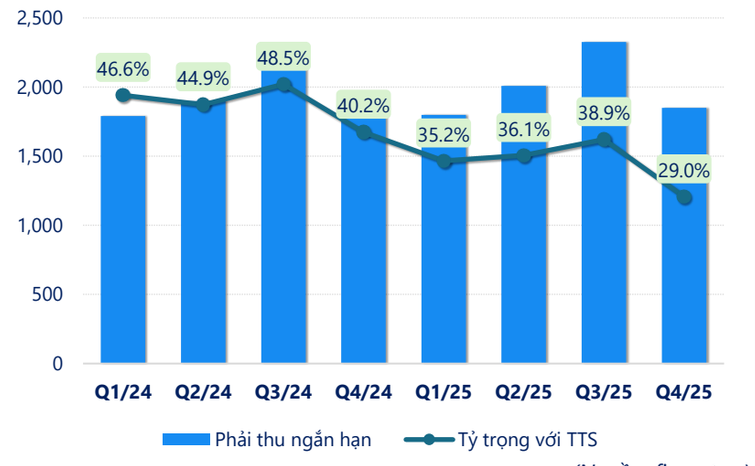
CTCP Tập đoàn Everland (HSX: EVG)

Tiền và tương đương tiền



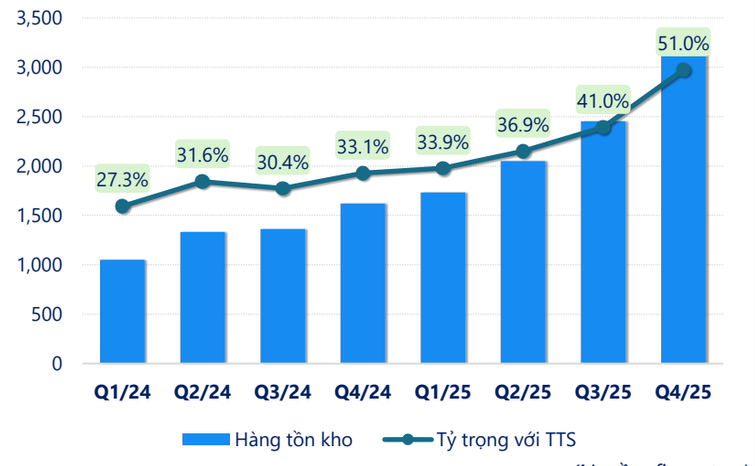
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



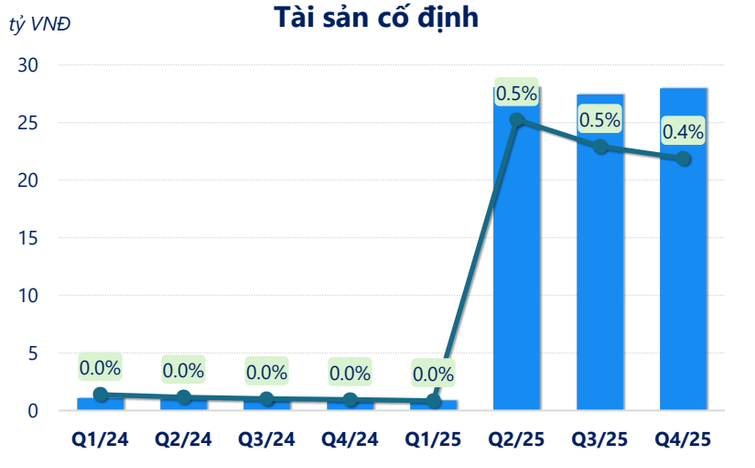
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



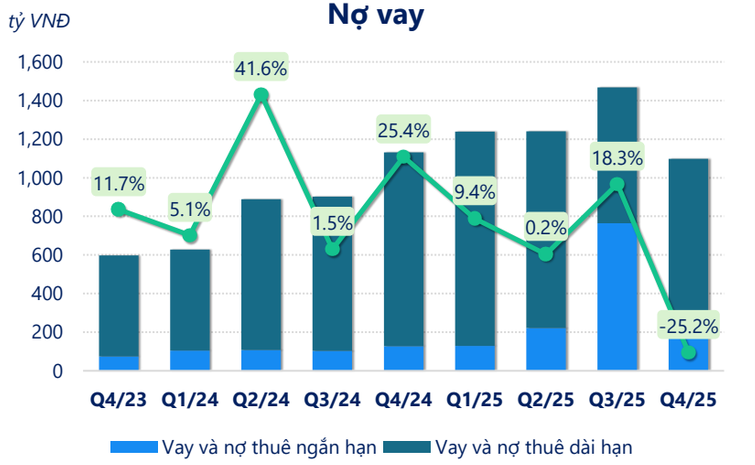
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



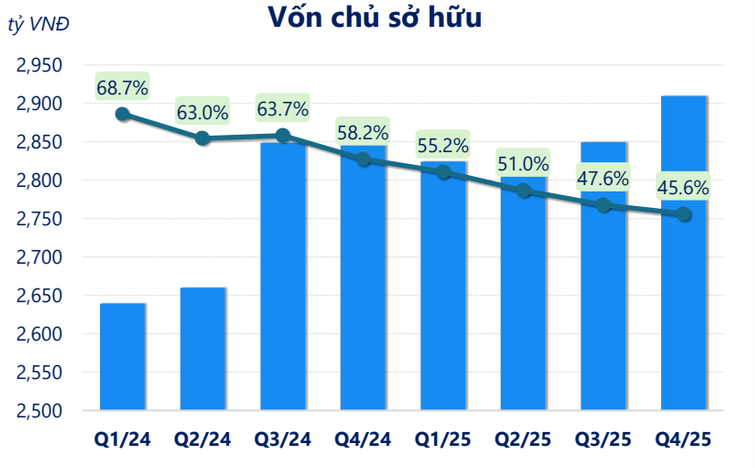
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

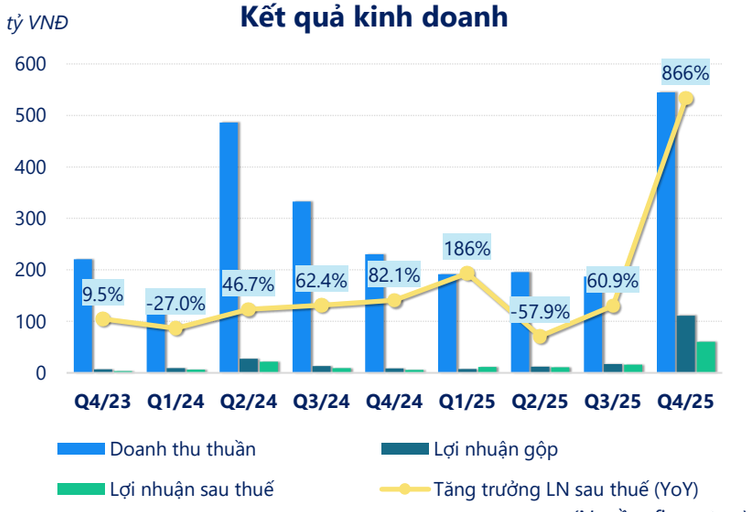


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

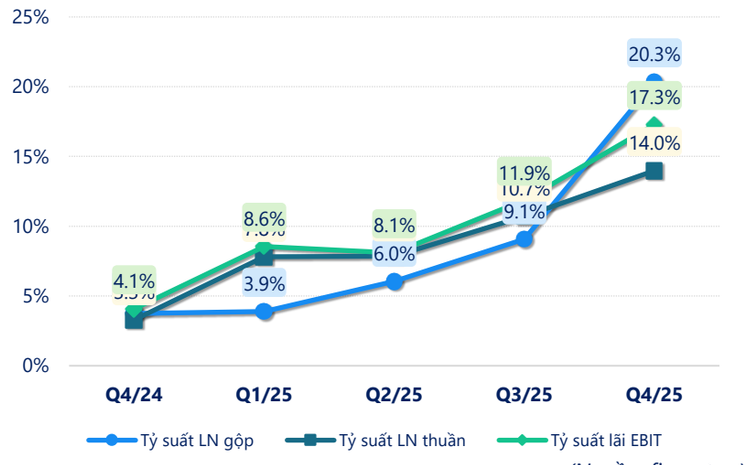
CTCP Tập đoàn Everland (HSX: EVG)

Kết quả kinh doanh



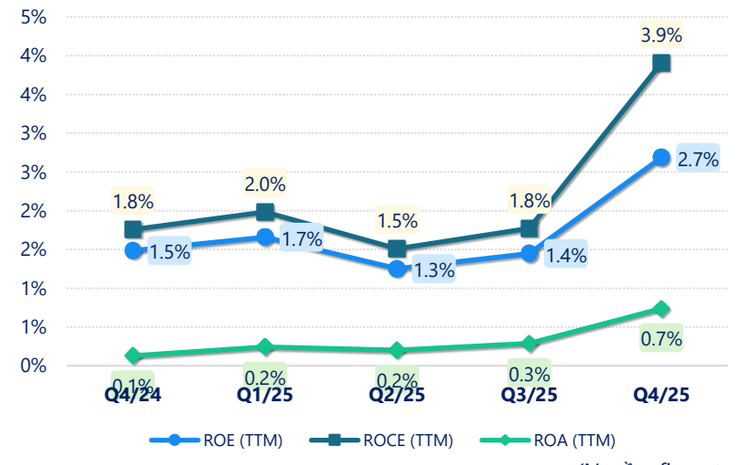
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



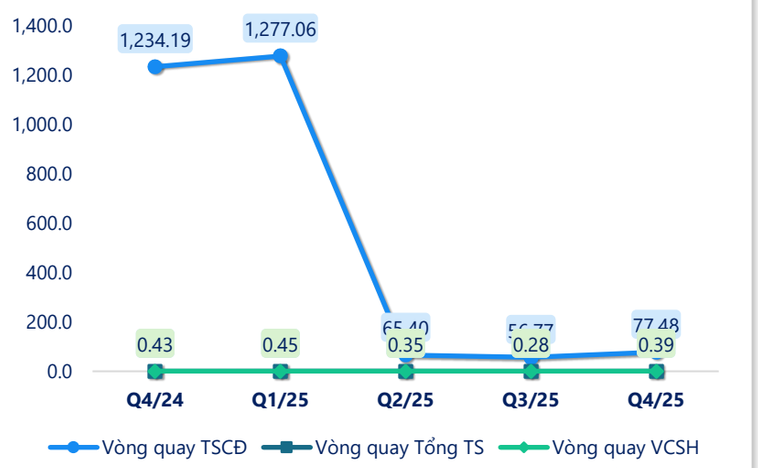
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



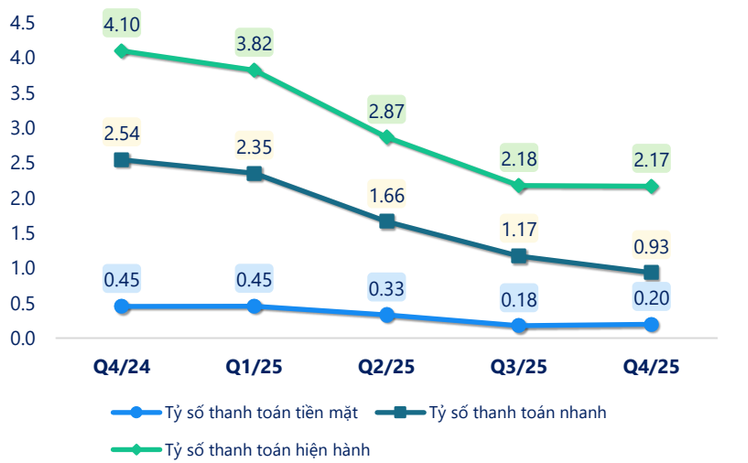
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



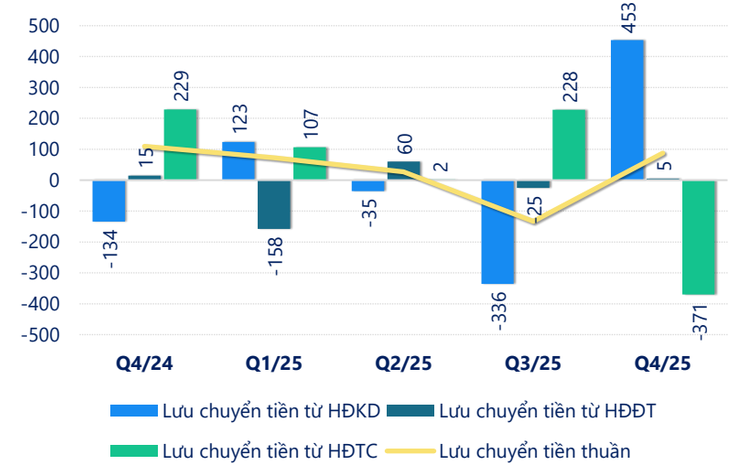
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tập đoàn Everland (HSX: EVG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,385**	**4,859**	**31.4%**
Tài sản ngắn hạn	5,723	4,228	35.4%
Tiền và tương đương tiền	518	464	11.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	46.5	201	-76.8%
Phải thu ngắn hạn	1,849	2,021	-8.5%
Hàng tồn kho	3,256	1,525	113%
Tài sản ngắn hạn khác	53.6	16.5	225%
Tài sản dài hạn	**662**	**631**	**4.9%**
Phải thu dài hạn	1.76	66.0	-97.3%
Tài sản cố định	28.0	0.93	2893%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	7.90	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	460	460	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**173**	**96.4**	**79.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,475	2,046	69.8%
Nợ ngắn hạn	**2,641**	**1,041**	**154%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	264	127	108%
Phải trả người bán ngắn hạn	508	221	130%
Nợ dài hạn	834	1,005	-17.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	834	1,005	-17.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,910**	**2,813**	**3.4%**
Vốn chủ sở hữu	**2,910**	**2,813**	**3.4%**
Vốn điều lệ	2,152	2,152	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	230	192	195	187	545
Giá vốn hàng bán	221	184	184	170	434
Lợi nhuận gộp	8.62	7.45	11.8	17.0	111
Doanh thu HĐTC	4.53	12.7	9.34	8.58	26.3
Chi phí TC	1.86	1.93	2.00	2.07	18.4
Chi phí lãi vay	1.85	1.93	2.00	2.07	18.4
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.72	0.67	0.50	0.52	38.9
Chi phí QLDN	3.01	2.53	3.29	2.93	3.60
LN thuần từ HĐKD	7.57	15.0	15.4	20.1	76.1
Lợi nhuận khác	-0.04	-0.52	-1.56	0.07	-0.44
LN trước thuế	7.53	14.5	13.8	20.1	75.7
Lợi nhuận sau thuế	5.97	11.5	10.6	16.0	60.4
LNST của CĐ cty mẹ	5.50	10.9	9.85	15.0	41.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-134	123	-35.4	-336	453
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	14.8	-158	60.2	-25.0	4.82
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	229	107	2.18	228	-371
Tiền đầu kỳ	362	464	536	563	430
Lưu chuyển tiền thuần	**110**	**72.2**	**27.0**	**-133**	**87.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	471	536	563	430	518

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic